UBND TP HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG MN GIA XUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Xuyên, ngày 25 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN[2]

Năm: 2024-2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT 2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG[2]

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG MẦM NON GIA XUYÊN
2. Địa chỉ: Thôn Tằng Hạ, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương.

Số điện thoại: 03203.713.624

Địa chỉ thư điện tử: hd-mngiaxuyen@haiduong.edu.vn

3. Loại hình: Trường mầm non công lập
4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mệnh trường mầm non Gia Xuyên

Là "*Ngôi trường hạnh phúc*" trẻ khỏe mạnh, an toàn, vui vẻ, được thương yêu; có tâm hồn phong phú, nhân cách tốt. Trẻ được sống trong môi trường thực sự hạnh phúc, được tôn trọng phát triển, thể hiện bản thân. Giáo viên luôn cố gắng, nỗ lực cống hiến mang đến hạnh phúc và thành công cho trẻ.

Là "*Nơi gửi trọn niềm tin*" nơi đủ an toàn, che chở, nâng đỡ những chồi non để phụ huynh đặt trọn niềm tin, an tâm, vui vẻ mỗi ngày đưa con đến trường.

Với phương châm làm việc "*Tôn trọng- Trung thực – Trách nhiệm*" nhà trường xác định rõ Cán bộ giáo viên nhân viên đều làm việc hết mình, trung thực, trách nhiệm tất cả đều hướng đến đích cuối cùng là vì trẻ, lấy trẻ làm trung tâm.

Tầm nhìn: Trường mầm non Gia Xuyên phấn đấu xây dựng trở thành một ngôi trường hạnh phúc cho tất cả cán bộ CBGVNV và các con học sinh. Nơi tất cả mọi thành viên đều cảm nhận được niềm vui, sự bình an để từ đó phát huy cao nhất khả năng của mỗi người. Nơi tình yêu thương được chia sẻ để thắp sáng mơ ước của mỗi học sinh ươm mầm những nhân cách tốt. Nơi các giáo viên được yêu thương, đồng hành cùng nhau phát triển nhà trường, trao yêu thương đến học sinh và khẳng định giá trị của bản thân, trở thành những nhà giáo tâm huyết và sáng tạo. Trường trở thành trường đạt chuẩn chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo hướng đổi mới hội nhập. Học sinh trường mầm non Gia Xuyên là những bạn nhỏ hạnh phúc, biết yêu thương và lan toả tình yêu thương với thông điệp *"Trẻ hạnh phúc – cô hạnh phúc – ngôi trường hạnh phúc – phát triển bền vững"*. Nhà trường đặt ưu tiên cảm nhận hạnh phúc ở trẻ là giá trị cốt lõi bởi khi trẻ hạnh phúc, trẻ sẽ phát triển tốt nhất cả về thể lực, trí lực, tâm hồn và biết nuôi dưỡng những giá trị nhân văn tốt đẹp để xây dựng

xã hội nhân văn. Cùng với đó là phát triển đội ngũ CBQL-GV-NV hạnh phúc bởi cô hạnh phúc, học sinh mới hạnh phúc, mới có thể truyền cảm hứng sống tích cực đến cho học sinh.

Mục tiêu: Chú trọng phát triển nhân cách trẻ (các giá trị yêu thương, biết ơn, tự tin, tôn trọng, trách nhiệm); hoàn thiện tri thức (kiến thức, khoa học ứng dụng, văn hóa xã hội, công nghệ thông tin) và tư duy toàn cầu (khẳng định bản thân, sẵn sàng hội nhập).

Với việc xác định tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu được thông qua Hội đồng sư phạm nhà trường cùng bàn bạc và đi đến thống nhất cao. Các tổ, nhóm, các ban ngành của nhà trường cùng nhau xây dựng kế hoạch, phương châm hành động cụ thể để đạt được mục tiêu đề ra.

Bên cạnh đó, nhà trường xây dựng lộ trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao nhận thức cho CBGVNV nắm bắt nhanh những vấn đề cần đổi mới trong giai đoạn giáo dục mầm non TP Hải Dương đang trên đà hội nhập. Mỗi cá nhân được học tập và mong muốn được thể hiện khả năng của bản thân trước tập thể và phụ huynh, học sinh. Điều cốt lõi của quá trình bồi dưỡng là khơi dậy được khát khao muốn đổi mới của mỗi CBGVNV.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Mầm non Gia Xuyên được thành lập từ năm 1968

Đến 17 tháng 6 năm 2008 chuyển thành Trường Mầm non công lập Gia Xuyên theo Quyết định số 4506/ QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2008 của UBND huyện Gia Lộc với tên gọi: Trường Mầm non Gia Xuyên.

Trường được công nhận lại Chuẩn Quốc gia mức độ 1 (theo QĐ số 2280/QĐ-UBND ngày 23/8/2022) và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (theo QĐ số 912 ngày 16/8/2022).

Nhà trường được tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân Thành phố về đã có thành tích tiêu biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố.

Chi ủy, Chi bộ được Đảng bộ phường đánh giá xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" năm 2024. Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tặng danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến" năm học 2024 - 2025. Tập thể Công đoàn, Chi đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ nhiều năm liền.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Qua những thành tích đạt được trường Mầm non Gia Xuyên luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Đoàn Thị Hương Sen;

Chức vụ: Hiệu trưởng;

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Tằng Hạ, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương.

Số điện thoại: 0902193126

Địa chỉ thư điện tử: doanhuongsen85@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường: Quyết định số 4506/ QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2008 của UBND huyện Gia Lộc

b) Quyết định công nhận hội đồng trường: theo Quyết định số: 683/QĐ-PGD ĐT ngày 22/11/2023. Hội đồng gồm 9 thành viên do Hiệu trưởng nhà trường là chủ tịch Hội đồng trường.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ NHÀ TRƯỜNG	CHỨC VỤ HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
1	Đoàn Thị Hương Sen	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	**Chủ tịch**
2	Hồ Thị Hằng	Tổ trưởng CM tổ MG 5-6 tuổi	**Thư ký**
3	Vũ Thị Cúc	Chủ tịch CĐCS	Thành viên
4	Nguyễn Thị Tuyết	Tổ trưởng CM tổ MG 4-5 tuổi	Thành viên
5	Tăng Thị Thuyên	Tổ phó CM tổ MG 3-4 tuổi	Thành viên
6	Tăng Thị Thùy	Tổ trưởng CM Nhà trẻ - Dinh dưỡng	Thành viên
7	Vũ Thị Hoài	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên
8	Nguyễn Xuân Biền	Phó Chủ tịch UBND xã Gia Xuyên	Thành viên
9	Nguyễn Quốc Ca	Ban thường trực Hội CMHS	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng:

Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND thành phố Hải Dương về việc điều động và bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Nhà trường xây dựng quy chế hoạt động của đơn vị và lấy ý kiến thông qua Hội nghị CBVC hàng năm.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và tcụ thể theo năm học.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN[3]

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

Tổng số CBGVNV toàn trường: 46 người gồm:

- CBQL: 03 người (01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng), trình độ chuyên môn: Đại học 03 người.

- Giáo viên: 36 người, trình độ chuyện môn: đại học 35 người, cao đẳng 01 người.

- Nhân viên: 7 người. Gồm 01 kế toán trình độ đại học; 6 nhân viên hợp đồng (04 nhân viên nấu ăn, 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên lao công)

Nhà trường sắp xếp vị trí việc làm đúng quy định.

b) Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp: 100% CBQL, giáo viên đạt trình độ chuẩn, 97,4% trên chuẩn.

c) Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 100% cán bộ quản lý và giáo viên đã hoàn thành bồi dưỡng hàng năm và bồi dưỡng về chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tốt	Khá	Đạt	CĐ
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**46**			**39**	**1**	**0**	**6**	**3**	**21**	**16**	**10**	**28**	**1**	**0**
I	**Giáo viên**	36			35	1				21	15	7	27	1	0
1	Nhà trẻ	8			8	0				4	4	3	5	0	0
2	Mẫu giáo	28			27	1				17	11	9	18	1	0
II	**Cán bộ quản lý**	3			3	0			3	0	0	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1			1	0			1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2	0			2			2			
III	**Nhân viên**	7			1	0	0	6	0	0	1	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1			1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0
3	Bảo vệ	1			0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên khác	5			0	0	0	5	0	0	0	0	0	0	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT[4]

a) Diện tích khu đất xây dựng trường: 10.425.3m^2, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em 24.2m^2/trẻ vượt yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị:

Khối phòng hành chính quản trị: 06 phòng bao gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó HT, 01 phòng Kế toán, 01 phòng y tế, 1 phòng bảo vệ, 01 phòng hội trường.

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em: 18 phòng với diện tích 46-54 m2/lớp (gồm phòng sinh hoạt chung, sân chơi, hành lang, nhà kho và nhà vệ sinh).

Diện tích phòng đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định về cơ sở vật chất tại thông tư 13 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối phòng chức năng gồm 04 phòng: 01 phòng thể chất, 02 phòng nghệ thuật; 01 phòng Steam

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có: 425 bộ/18 lớp được bổ sung và mua theo danh mục đồ dùng đồ chơi tối thiểu quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT Ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non.

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời: 10 bộ đảm bảo an toàn và đúng quy định theo Thông tư số 32/2012/TT BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC[5]

Nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Số 912/QĐ-SGD ĐT ngày 16/8/2022) được UBND tỉnh Hải Dương công nhận trường chuẩn quốc gia (Quyết định số: 2280/QĐ-UBNd ngày 23/8/2022)

Nhà trường phấn đấu đạt chuẩn mức độ II vào năm học 2027- 2028.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC[6]

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh:

Năm học 2024 – 2025 trường mầm non Gia Xuyên huy động tổng số 430/425 trẻ đến trường đạt 101% so với kế hoạch giao, cụ thể các độ tuổi như sau:

- Trẻ từ 25 – 36 tháng (sinh năm 2022, 2023) huy động 90 trẻ;
- Trẻ 3 tuổi (sinh năm 2021) huy động: 104 trẻ;
- Trẻ 4 tuổi (sinh năm 2020) huy động 110 trẻ;
- Trẻ 5 tuổi (sinh năm 2019) thuy động: 126 trẻ.

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

Nhà trường thực hiện theo chương trình Giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, có tích hợp lồng ghép một số phương pháp giáo dục tiên tiến như Steam, Montessori, làm quen với máy tính, tiếng Anh…

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
1	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	100% trẻ có đủ đồ dùng cá nhân phục vụ sinh hoạt hàng ngày. 100% trẻ có đủ đồ dùng học tập được chăm sóc giáo dục theo khoa học. Tỷ lệ trẻ SDD thấp còi giảm so với đầu năm học. Đảm bảo tỷ lệ trẻ SDD mỗi thể không quá 1,5%	100% trẻ có đủ đồ dùng cá nhân phục vụ sinh hoạt hàng ngày. 100% trẻ có đủ đồ dùng học tập được chăm sóc giáo dục theo khoa học. Tỷ lệ trẻ SDD thấp còi giảm so với đầu năm học. Đảm bảo tỷ lệ trẻ SDD mỗi thể không quá 1,5%
2	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	100% trẻ đạt yêu cầu cuối độ tuổi	100% trẻ đạt yêu cầu cuối độ tuổi
4	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	100% trẻ được tham gia các hoạt động ngoại khóa trong nhà trường	100% trẻ được tham gia các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài trường học

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội: Nhà trường xây dựng Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội (các tổ chức cơ quan đoàn thể, chính quyền, địa phương)

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em; Nhà trường thực hiện xây dựng thực đơn thay đổi theo tuần (chẵn-lẻ) và theo mùa: Công khai trên bảng tin của nhà trường hàng tuần.

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học 2024-2025:

STT.	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	430			90	104	110	126
1	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	430			90	104	110	126
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0			0	0	0	0
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú**	430			90	104	110	126
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe**	430			90	104	110	126

IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	430			90	104	110	126
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**	430			90	104	110	126
1	*Số trẻ cân nặng bình thường*	426			90	102	109	125
2 .	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân*	0			0	0	0	0
3	*Số trẻ có chiều cao bình thường*	430			90	102	109	125
4	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi*	0			0	0	0	0
5	*Số trẻ thừa cân béo phì*	4			0	2	1	1
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	430			90	104	110	126
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	90			90	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	340			0	104	110	126

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 126/126 trẻ mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành chương trình đạt 100%.

g) Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập: Không

. VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH[7]

	A. NGUỒN HỌC PHÍ, NGUỒN NSNN	
I	**Học phí**	*ĐVT đồng*
	Tổng số thu	**586.535.665**
1	Dư đầu kỳ (40% CCTL năm 2023 chuyển sang)	113.381.485
2	Dư hoạt động chuyên môn năm 2023 chuyển sang	78.064.180
3	Thu trong kỳ	395.090.000
	Chi từ nguồn thu học phí	**455.506.493**
	Chi thanh toán cho cá nhân	12.730.574
	Chi sửa chữa TS phục vụ chuyên môn	46.123.568
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác	83.286.866
	Chi Phúc lợi	62.000.000
	Chi CCTL từ 40%	**251.365.485**
.	**Cuối kỳ**	**131.029.172**
	Dư 40% CCTL	20.052.000
	Dư cuối kỳ từ HĐ chuyên môn	94.676.632
	Tiền Phúc lợi	16.300.540
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**5.267.965.600**
1	**Chi thường xuyên**	
	Nguồn ngân sách 13	***5.677.294.625***
	Tiền lương	2.872.728.001
	Phụ cấp lương	1.644.394.268
	Tiền thưởng	21.800.000

	Các khoản đóng góp	836.344.799
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	49.216.576
	Thanh toán dịch vụ công cộng	38.873.690
	Vật tư văn phòng	22.806.370
	Thông tin tuyên truyền liên lạc	5.009.783
	Công tác phí	5.400.000
	Hội nghị	38.049.000
	Chi phí thuê mướn	7.400.000
	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn	98.785.477
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	23.286.661
	Chi khác	13.200.000
2	**Chi không thường xuyên**	
	Nguồn ngân sách 12;15	***2.324.273.055***
	Tiền lương	33.242.338
	Phụ cấp lương	17.463.590
	Các khoản đóng góp	9.354.811
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	468.000.000
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh	9.442.500
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	1.451.445.016
	Mua tài sản phục vụ công tác chuyên môn	33.432.000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	234.272.800
	Chi khác	67.620.000
III	**Dự toán hủy**	**65.177.403**
	Dự toán giảm (Chi không thường xuyên)	9.400.770
	Dự toán giảm (Chi không thường xuyên)	15.000.000
	Dự toán huỷ (Chi không thường xuyên)	8.630.184
IV	**Cuối kỳ**	**70.385.261**
	Dư cuối kỳ chuyển nguồn sang năm 2025 từ nguồn KTX	70.385.261
	B. NGUỒN THU THOẢ THUẬN	
1	**Thứ bẩy**	**440.698.000**
	Dư đầu năm	0
	Thu trong năm	440.698.000
	Chi tiền công, quản lý thu (chi cho người lao động)	431.884.040
	Nộp thuế 2% về NS	8.813.960
	Dư cuối năm	0
2	**Tổng số thu bán trú**	
a.	***Tiền công bán trú***	**993.985.000**
	Dư đầu năm	0
	Thu trong năm	993.985.000
	Chi tiền công, công tác thu (chi cho người lao động)	974.105.300
	Nộp thuế 2% về NS	19.879.700
	Dư cuối năm	0

b.	**Tiền ăn**	
	Dư đầu năm	**1.686.658.000**
	Thu trong năm	0
	Chi tiền mua thực phẩm	1.523.586.000
	Dư cuối năm	1.523.586.000
c.	**Tiền Phụ phí**	0
	Dư đầu năm	**232.065.500**
	Thu trong năm	0
	Chi tiền phụ phí chất đốt, điện, nước, mua sắm đồ dùng chung bán trú.	232.065.500
	Dư cuối năm:	231.923.278
3.	**Tiền BSBT đối với trẻ tham gia bán trú lần đầu**	142.222 đ
	Dư đầu năm	**22.600.000**
	Thu trong năm	0
	Chi tiền mua đồ dùng phục vụ bán trú: bát, thìa và đồ dùng phục vụ bán trú	22.600.000
	Dư cuối năm	22.595.000
4.	**Tiền Học phẩm**	5.000
	Dư đầu năm	**105.700.500**
	Thu trong năm	0
	Chi tiền mua tài liệu, đồ dùng học, đồ chơi cho trẻ	105.700.500
	Dư cuối năm	105.700.500
5.	**Tiền Lao công**	0
	Dư đầu năm	**92.213.000**
	Thu trong năm	0
	Chi trong năm	92.213.000
	Trong đó: trả tiền VSMT cho công ty MT	92.198.400
	Tiền thuê lao công quét dọn	1.560.000
	Chi mua đồ dùng: giấy vệ sinh, chổi, …	43.000.000
	Dư cuối năm	47.638.400
6.	**Tiền nước uống tinh khiết**	14.600
	Dư đầu năm	**22.128.000**
	Thu trong năm	0
	Chi tiền mua bình nước uống tinh khiết	16.615.000
	Dư cuối năm	16.615.000
		0
B. **Thu hộ**		
	Bảo hiểm thân thể học sinh	**71.200.000**
	Dư đầu năm học	0
	Thu trong năm	**71.200.000**
	Nộp cơ quan bảo hiểm	**71.200.000**
	Dư cuối năm	0

2. Kết quả thực hiện việc trợ cấp và miễn, giảm học phí: 124.785.000 đ

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC[8]

Nhà trường thực hiện tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động trong năm học theo kế hoạch. Tham mưu lãnh đạo các cấp đầu tư kinh phí sửa chữa, lắp mới hệ thống cửa dãy nhà B. Hoàn thiện sân khấu sảnh nhà B. Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đột phá của nhà trường: "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục và quản trị nhà trường"; "Xây dựng trường học hạnh phúc": Thực hiệu quả các chuyên đề trọng tâm trong năm học: Rèn phát âm chuẩn phụ âm L/N; Tổ chức hoạt động GDAN theo hướng tiếp cận đa văn hóa vùng miền. Tổ chức các hoạt động giao lưu hội thi đạt kết quả cao được lãnh đạo và phụ huynh ghi nhận, đánh giá cao.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG MẦM NON GIA XUYÊN

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Thị Hương Sen